



# CHỦ ĐỀ 2: SƠ LƯỢC MỸ THUẬT THỜI NGUYỄN

## TIẾT 1: TÌM HIỂU KHÁI QUÁT VỀ MỸ THUẬT THỜI NGUYỄN





## Vua Gia Long (1762 – 1820)

Vua Gia Long là vị Hoàng đế đã thành lập nhà Nguyễn, vương triều phong kiến cuối cùng trong lịch sử Việt Nam. Ông tên thật là Nguyễn Phúc Ánh (thường được gọi tắt là Nguyễn Ánh), trị vì từ năm 1802 đến khi qua đời năm 1820. Sau nhiều thất bại lớn và phải cầu viện sự giúp đỡ của Xiêm La và Pháp, ông giữ vững được Nam Hà và đến năm 1802 thì đánh bại quân Tây Sơn, lên ngôi hoàng đế, thống nhất Việt Nam sau nhiều thế kỷ nội chiến.



## **Vua Minh Mạng, cũng gọi là Minh Mệnh (1791 – 1841)**

Vua Minh Mạng, tức Nguyễn Thánh Tổ, là vị Hoàng đế thứ hai của nhà Nguyễn, Được xem là một ông vua năng động và quyết đoán, Minh Mạng đã đề xuất hàng loạt cải cách từ nội trị đến ngoại giao, trong đó có việc ngăn chặn quyết liệt ảnh hưởng phương Tây đến Việt Nam.



## Vua Thiệu Trị (1807 – 1847)

Vua Thiệu Trị là vị Hoàng đế thứ ba của nhà Nguyễn, trị vì từ năm 1841 đến 1847. Ông có tên húy là Nguyễn Phúc Miên Tông, ngoài ra còn có tên là Nguyễn Phúc Tuyên và Dung. Ông là con trưởng của vua Minh Mạng và Tá Thiên Nhân Hoàng hậu Hồ Thị Hoa. Ông sinh ngày 11 tháng 5 năm Đinh Mão, tức 16 tháng 6 năm 1807, tại Huế. 13 ngày sau khi sinh hạ Miên Tông, thân mẫu của ông mất.

嗣德



## Vua Tự Đức (1829 – 1883)

Vua Tự Đức (là vị Hoàng đế thứ tư của nhà Nguyễn. Ông tên thật là Nguyễn Phúc Hồng Nhậm hay còn có tên Nguyễn Phúc Thì, là con trai thứ hai của vị hoàng đế thứ 3 triều Nguyễn, Thiệu Trị. Ông là vị vua có thời gian trị vì lâu dài nhất của nhà Nguyễn, trị vì từ năm 1847 đến 1883. Trong thời gian trị vì của ông, nước Đại Nam dần rơi vào tay quân Pháp.

**Vua Dục Đức (1852 – 1883)**, tên thật là Nguyễn Phúc Ứng Ái – sau đổi thành Nguyễn Phúc Ứng Chân, ông lên ngôi vua ngày 19/7/1883 nhưng tại vị chỉ được ba ngày, ngắn nhất trong số 13 vị hoàng đế của triều Nguyễn.

- Hiện nay, lăng Vua Dục Đức (An Lăng) đặt tại số 8 đường Duy Tân, An Cựu, Thành phố Huế, Thừa Thiên Huế, Việt Nam.



協和

## Vua Hiệp Hòa (1847 – 1883)

Vua Hiệp Hòa là vị vua thứ sáu của vương triều nhà Nguyễn trong lịch sử Việt Nam. Tên thật của ông là Nguyễn Phúc Hồng Dật, còn có tên là Nguyễn Phúc Thăng, là con thứ 29 và là con út của vua Thiệu Trị và bà Đoan Tàn Trương Thị Thuận. Ông lên ngôi tháng 7/1883, lúc 37 tuổi. nhưng bị phế truất và bị ép uống thuốc độc qua đời vào tháng 10 cùng năm.

EMPEROR, HIỆP HÒA  
(1847 - 1883)

T.Đ.Đ. 1883





## Vua Kiến Phúc (1869 – 1884)

Vua Kiến Phúc tên húy là Nguyễn Phúc Ứng Đăng, thường được gọi là Dưỡng Thiện, là vị vua thứ bảy của vương triều nhà Nguyễn. Ông là con thứ ba của Kiên Thái vương Nguyễn Phúc Hồng Cai và bà Bùi Thị Thanh, được vua Tự Đức chọn làm con nuôi, và giao cho bà Học Phi Nguyễn Thị Hương trông coi, dạy bảo. Sau khi vua Hiệp Hòa bị phế truất, vào ngày 2/12/1883, Ứng Đăng (15 tuổi) được đưa lên ngôi vua và đặt niên hiệu là Kiến Phúc. Vua Kiến Phúc ở ngôi được 8 tháng thì mất vào ngày 10 tháng 6 năm Giáp Thân (31-7-1884) lúc mới 16 tuổi.



## Vua Hàm Nghi (1871 – 1943)

Vua Hàm Nghi là vị Hoàng đế thứ 8 của nhà Nguyễn, là em trai của vua Kiến Phúc.

Năm 1884, Hàm Nghi được đưa lên ngôi ở tuổi 13.

Sau khi cuộc phản công tại kinh thành Huế thất bại năm 1885, Tôn Thất Thuyết đưa ông ra ngoài và phát hịch Cần Vương chống thực dân Pháp. Phong trào Cần Vương kéo dài đến năm 1888 thì Hàm Nghi bị Pháp bắt. Sau đó, ông bị đem an trí ở Alger (thủ đô xứ Algérie).

Ngày nay, Việt Nam xem ông, cùng với các vua chống Pháp: Thành Thái, Duy Tân là ba vị vua yêu nước trong thời kỳ Pháp thuộc

## Vua Đồng Khánh (1864 – 1889)

Vua Đồng Khánh miếu hiệu Nguyễn Cảnh Tông, là vị Hoàng đế thứ chín của nhà Nguyễn, tại vị từ năm 1885 đến 1889. Tên húy của nhà vua các tài liệu ghi khác nhau, nơi thì ghi là Nguyễn Phúc Ứng Kỳ, Nguyễn Phúc Ứng Thị, Nguyễn Phúc Ứng Biện, Nguyễn Phúc Chánh Mông, ngoài ra còn có tên Nguyễn Phúc Đường. Ông là con trưởng của Kiên Thái Vương Nguyễn Phúc Hồng Cai và bà Bùi Thị Thanh, được vua Tự Đức nhận làm con nuôi năm 1865, và giao cho bà Thiện Phi Nguyễn Thị Cẩm chăm sóc, dạy bảo. Sau binh biến năm 1885, vua Hàm Nghi bỏ ngai vàng ra Tân Sở, triều đình Huế thương lượng với Pháp đưa Ứng Đường lên ngôi, đặt niên hiệu là Đồng Khánh. Ở ngôi được 3 năm, vua Đồng Khánh bệnh và mất vào ngày 27 tháng 12 năm Mậu Tý (28-1-1889), lúc được 25 tuổi. Sau khi mất, bài vị vua Đồng Khánh được đưa vào thờ trong Thế Miếu và có Miếu hiệu là Cảnh Tông Thuần Hoàng đế.





## Vua Thành Thái (1879 – 1954)

Vua Thành Thái là vị Hoàng đế thứ 10 của nhà Nguyễn, tại vị từ 1889 đến 1907. Tên húy của ông là Nguyễn Phúc Bửu Lâm, còn có tên là Nguyễn Phúc Chiêu. Ông là con thứ 7 của vua Dục Đức và bà Từ Minh Hoàng hậu (Phan Thị Diệu). Trước các ý tưởng cấp tiến của vua Thành Thái, người Pháp lo ngại tìm cách ngăn trở. Để che mắt, Thành Thái giả hành động như một người mất trí. Khi các bản vẽ vũ khí của ông bị phát hiện, Thành Thái giả điên, cào cấu các bà cung phi và xé nát các bản vẽ. Lợi dụng cơ hội này, người Pháp vu cho ông bị điên, ép ông thoái vị, nhường ngôi cho con vì lý do sức khỏe.

Ngày 3 tháng 9 năm 1907, triều thần theo lệnh của Pháp vào điện Càn Thành dâng vua dự thảo chiếu thoái vị, có chữ ký của các đại thần (trừ Ngô Đình Khả), với lý do sức khỏe không bảo đảm, xin tự nguyện thoái vị. Xem xong bản dự thảo, Thành Thái chỉ cười, ghi ngay hai chữ "phê chuẩn" rồi quay lưng đi vào. Do chống Pháp nên ông cùng với các vua Hàm Nghi và Duy Tân bị đi đày tại ngoại quốc.



## Vua Duy Tân (1900 – 1945)

Vua Duy Tân là vị vua thứ 11 của nhà Nguyễn (ở ngôi từ 1907 tới 1916), sau vua Thành Thái. Khi vua cha bị thực dân Pháp lưu đày, ông được người Pháp đưa lên ngôi khi còn thơ ấu. Tuy nhiên ông bất hợp tác với Pháp và bí mật liên lạc với các lãnh tụ khởi nghĩa Việt Nam. Vì lý do này, ông bị người Pháp đem an trí trên đảo Réunion ở Ấn Độ Dương.



## Vua Khải Định (1885 – 1925)

Vua Khải Định hay Nguyễn Hoàng Tông là vị Hoàng đế thứ 12 nhà Nguyễn trong lịch sử Việt Nam, ở ngôi từ 1916 đến 1925. Ông có tên húy là Nguyễn Phúc Bửu Đảo, còn có tên là Nguyễn Phúc Tuấn, con trưởng của vua Đồng Khánh và bà Hựu Thiên Thuần Hoàng hậu Dương Thị Thục.



**Vua Bảo Đại (22/10/1913 – 31/7/1997)**

Vua Bảo Đại là vị Hoàng đế thứ 13 và cuối cùng của triều Nguyễn, cũng là vị vua cuối cùng của chế độ quân chủ Việt Nam. Tên húy của ông là Nguyễn Phúc Vĩnh Thụy, còn có tên là Nguyễn Phúc Thiển, tục danh "mệ Vũng" là con của vua Khải Định và Từ Cung Hoàng thái hậu. Đúng ra "Bảo Đại" chỉ là niên hiệu nhà vua, nhưng tục lệ vua nhà Nguyễn chỉ giữ một niên hiệu, nên nay thường dùng Bảo Đại như là tên nhà vua. Con số 13 bí ẩn và vua Bảo Đại Vua Bảo Đại tên húy là Nguyễn Vĩnh Thụy sinh 22/10/1913, là hoàng tử duy nhất của Vua Khải Định và hoàng hậu Đức Từ Cung. Vua Bảo Đại lên ngôi vua năm 13 tuổi, ngày 8/1/1926. Vua Bảo Đại trở thành vị vua triều Nguyễn thứ 13: (Gia Long, Minh Mạng, Thiệu Trị, Tự Đức, Dục Đức, Hiệp Hòa, Kiến Phúc, Hàm Nghi, Đồng Khánh, Thành Thái, Duy Tân, Khải Định, Bảo Đại). Vua Bảo Đại ngôi ngai vàng 13 năm: Ông được trao ngôi khi du học ở Pháp trở về nước thọ tang cha tháng 11/1925. Ngày 8/1/1926 ông được triều đình tôn ngôi vua, hiệu Bảo Đại. Sau đó, vua trở quay trở lại Pháp học tiếp. Năm 1932, học xong ông về và chính thức ngôi ngai vàng trị nước. Tới năm 1945 ông thoái vị để ủng hộ Cách mạng tháng Tám. Tính từ năm 1932 trở về nước lên ngôi chính thức là 13 năm ngôi ngai vàng trị vị. Ông trải qua 2 bước ngoặt lịch sử cách mạng năm 1945, và phản bội ngiệt ngã của Ngô Đình Diệm năm 1954, nhưng không bị giết chết. Ông được an táng đúng 13 h ngày 6/8/1997, sau khi chờ tạnh mưa và mức hết nước dưới huyết mộ để chôn cất.

1.1

KIẾN TRÚC

1.2

2.ĐIỀU KHẮC, CHẠM KHẮC

1.3

3.HỘI HỌA, ĐỒ HỌA



# 1.1. KIẾN TRÚC

## a. Điện Thái Hòa



**Điện Thái Hòa** là cung điện nằm trong khu vực Đại Nội của kinh thành Huế, là nơi đăng quang của 13 vua triều Nguyễn từ Gia Long đến Bảo Đại. Trong chế độ phong kiến cung điện này được coi là trung tâm của đất nước.

Điện Thái Hòa là biểu trưng quyền lực của Hoàng triều Nguyễn. Điện, cùng với sân chầu, là địa điểm được dùng cho các buổi triều nghi quan trọng của triều đình như: lễ Đăng Quang, sinh nhật vua, những buổi đón tiếp sứ thần chính thức và các buổi đại triều được tổ chức 2 lần vào ngày mùng 1 và 15 âm lịch hàng tháng.



Điện Thái Hòa được xây dựng theo kiểu nhà kép gọi là “trùng thiềm điệp ốc” hay “trùng thiềm trùng lương” (mái chồng lên nhau, nhà nối liền nhau) và được chống đỡ bằng 80 cột gỗ lim được sơn thếp và trang trí hình rồng vờn mây.

- Diện tích mặt bằng ngôi điện là 1.360m<sup>2</sup>. Nền điện cao hơn tầng sân châu thứ nhất 1m và cao hơn mặt đất 2,35m. Ngôi nhà chính ở phía sau là chính điện (hay chính doanh) có 5 gian hai chái, ngôi nhà phía trước gọi là tiền điện (hay tiền doanh) có bảy gian hai chái. Hai nhà trước và sau được nối lại với nhau bằng một mái thừa lưu hay còn gọi là mái vỏ cua.



**Khu vực gian giữa chính điện có đặt ngai vua ba tầng bệ gỗ.** Phía trên bệ còn có thêm bửu tán bằng pháp lam ngũ sắc và được trang trí chín con rồng. Những chi tiết này đều được thếp màu vàng vô cùng rực rỡ. Phần trần được treo lồng đèn và trang trí thơ văn, những hình ảnh bên trong công trình này đều được cách điệu vô cùng đẹp mắt và thu hút.



Hoàng đế An Nam tiếp toàn quyền Đông Dương Albert Sarraut ở điện Thái Hòa

Bức tranh cổ về xứ Huế những năm 1910 - 1920 do họa sĩ kiêm nhà du hành người Pháp François de Marliave (1874 - 1953) thực hiện.



Mái điện lợp **ngói hoàng lưu ly**, nhưng không phải là một dải liên kết mà được chia làm ba tầng chồng mí lên nhau theo thứ tự từ cao xuống thấp, gọi là **mái "chồng diêm"**, mục đích là để tránh đi sự nặng nề của một tòa nhà quá lớn đồng thời để tôn cao ngôi điện bằng cách tạo ra ảo giác chiều cao cho tòa nhà. Giữa hai tầng mái trên là dải cổ diêm chạy quanh bốn mặt của tòa nhà. Dải cổ diêm được phân khoảng ra thành từng ô hộc để trang trí hình vẽ và thơ văn (197 bài thơ) trên những tấm pháp lam.

## b. Chùa Thiên Mụ



Chùa Thiên Mụ hay còn gọi là chùa Linh Mụ là một ngôi chùa cổ nằm trên đồi Hà Khê, tả ngạn sông Hương, cách trung tâm thành phố Huế (Việt Nam) khoảng 5 km về phía tây. Chùa Thiên Mụ chính thức khởi lập năm Tân Sửu (1601), đời chúa Tiên Nguyễn Hoàng - vị chúa Nguyễn đầu tiên ở Đàng Trong.



Bốn trụ biểu và các bậc thang dẫn lên chùa Thiên Mụ





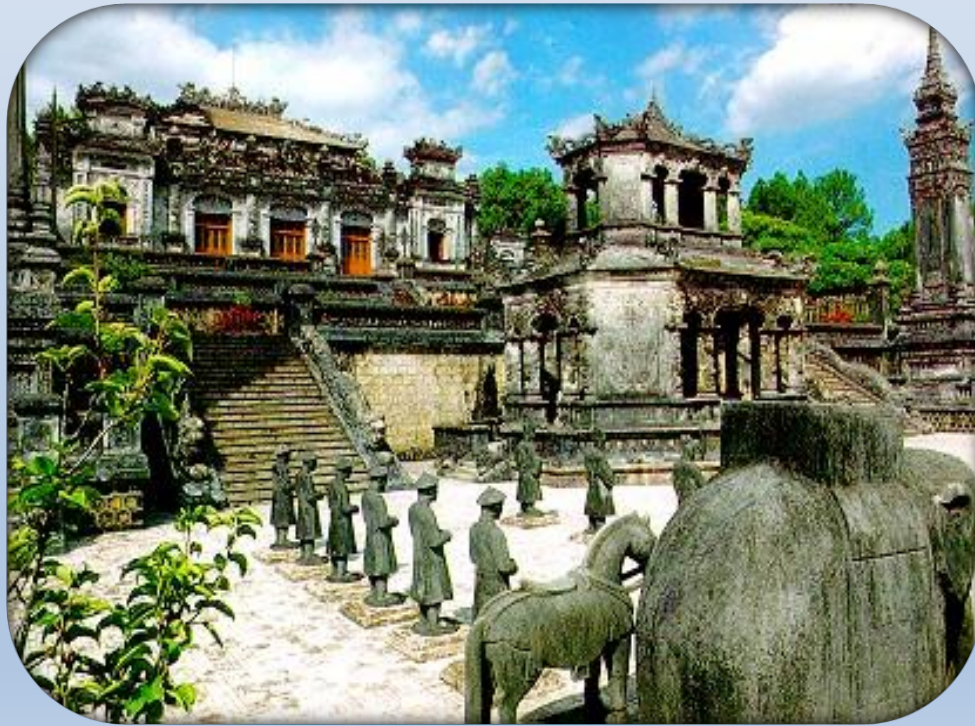
Tháp Phước Duyên là một biểu tượng nổi tiếng gắn liền với chùa Thiên Mụ. Tháp cao 21 m, gồm 7 tầng, được xây dựng ở phía trước chùa vào năm 1844. Mỗi tầng tháp đều có thờ tượng Phật. Bên trong có cầu thang hình xoắn ốc dẫn lên tầng trên cùng, nơi trước đây có thờ tượng Phật bằng vàng. Phía trước tháp là đình Hương Nguyện, trên nóc đặt Pháp luân (bánh xe Phật pháp, biểu tượng Phật giáo). Pháp luân đặt trên đình Hương Nguyện quay khi gió thổi).

Trận bão năm 1904 đã tàn phá chùa nặng nề. Nhiều công trình bị hư hỏng, trong đó đình Hương Nguyện bị sụp đổ hoàn toàn (nay vẫn còn dấu tích). Năm 1907, vua Thành Thái cho xây dựng lại, nhưng chùa không còn được to lớn như trước nữa. Hai bên tháp có hai nhà tứ giác, đặt hai tấm bia đời Thiệu Trị. Sâu vào bên trong là hai nhà lục giác, một nhà để bia và một nhà để quả chuông đúc đời chúa Nguyễn Phúc Chu.



Cổng chùa Thiên Mụ và Tháp Phước duyên nhìn từ trong ra

➤ Bên cạnh Phòng thành, Hoàng thành, Tử Cấm Thành, đàn Nam Giao,... kinh đô Huế còn có những lăng tẩm nổi tiếng như lăng Gia Long, lăng Minh Mạng, lăng Tự Đức,... cùng những công trình đặc sắc mang đậm văn hoá dân tộc.



**Lăng Khải Định**



**Lăng Tự Đức**



**Lăng Minh Mạng**



**Lăng Gia Long**

## c. Lăng Khải Định



Lăng Khải Định có dạng khối hình chữ nhật vươn lên cao 127 bậc cấp. Lăng khởi công ngày 4 tháng 9 năm 1920 do Tiền quân Đô thống phủ Lê Văn Duyệt là người chỉ huy và kéo dài suốt 11 năm mới hoàn tất. Kiến trúc thể hiện rõ nét ảnh hưởng của mỹ thuật nước ngoài.



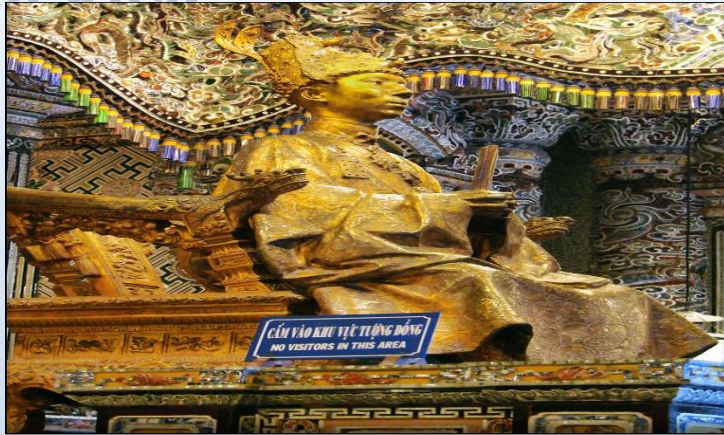
Tượng voi đá, ngựa đá và quan châu, lính châu ở Bái Đình



Huyệt Cung, bên dưới bức tượng đồng mạ vàng là mộ phần của nhà vua

# 1.2. ĐIỀU KHẮC, CHẠM KHẮC

## Điều khắc



### Tượng vua, tượng voi, ngựa, các quan, lính hầu ở Lăng Vua Khải Định

- Hầu hết gắn liền với các công trình kiến trúc như (tượng quan hầu, voi, ngựa,...) được đặt trước các lăng mộ hay chạm khắc trang trí trong và ngoài các công trình kiến trúc. Chất liệu thường là đá và 1 số các vật liệu khác.



# Chạm khắc



Hình chạm khắc trang trí phòng đặt di hài vua, cung Thiên Định, lăng Khải Định (Huế)

# Hội họa và đồ họa

- Tiếp tục kế thừa và phát triển những dòng tranh truyền thống như tranh Đồng Hồ; tranh Hàng Trống; tranh Kim Hoàng và tranh Làng Sinh (Phú Mậu-Huế).
- Bước đầu có sự ảnh hưởng của hội họa châu Âu về cả chất liệu lẫn hình thức thể hiện.



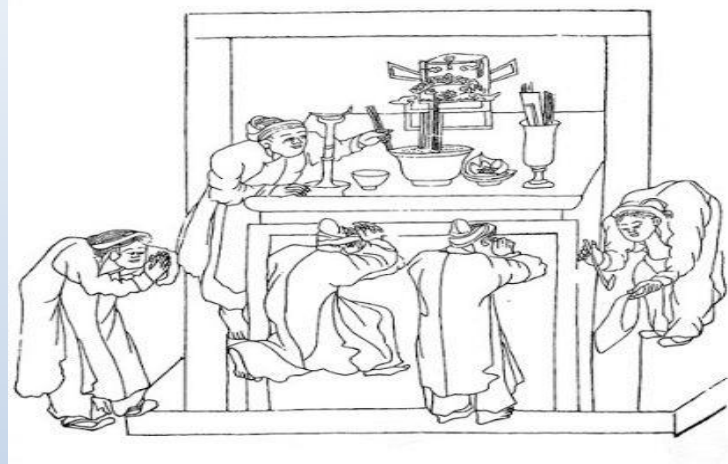
Tranh chân dung Lý Nam Đế và Hoàng Hậu,  
tranh Đồng Hồ  
thế kỷ XVIII (Thái Bình)

Tranh thờ Thập điện (giấy) thế kỷ XIX  
tranh Hàng Trống  
tranh Làng Sinh  
tranh Kim Hoàng

# MỘT SỐ HÌNH VẼ TRONG CUỐN SÁCH “KỸ THUẬT CỦA NGƯỜI AN NAM”



a. Mua vải



Miêu thờ



c. Lễ cưới hỏi



e. Gánh hàng rong



e. Gánh hàng rong



g. Làm hàng mã



h. Nghề nông

Cuốn sách được thực hiện bởi một người Pháp tên Henri Oger và các nghệ nhân người Việt gồm 4577 hình vẽ diễn tả các công việc sản xuất, buôn bán, vui chơi, tập tục hay sinh hoạt thường ngày của người Việt ở phía Bắc

## *\* Ghi nhớ*

*-Vài nét khái quát về mỹ thuật thời Nguyễn:*

*+Mỹ thuật Nguyễn phát triển rất đa dạng từ kiến trúc, điêu khắc đến hội họa và đồ họa. Những thành tựu mỹ thuật thời kỳ này hầu như tập trung ở kinh đô Huế.*

*+Cố đô Huế được UNESCO công nhận là Di sản văn hóa thế giới (11/12/1993) là địa danh tham quan, du lịch hấp dẫn với du khách trong và ngoài nước.*

Dặn Dò:

- Xem lại bài
- Chuẩn bị bài mới: Suru tầm hình vẽ trong cuốn: Kỹ thuật người An Nam để tiết sau mô phỏng hình vẽ thời Nguyễn